

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT ngày /12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Gia Lai)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
A	B	1=2-3-4	2=6+10	3=7	4=8+11	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11	10	11
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí năm 2025											
I	Số thu phí, lệ phí					139						
1	Lệ phí											
2	Phí					139						
-	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực					2						
-	Phí hoạt động Thương mại					52						
-	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ					8						

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, xác nhận KT					10						
-	Phí thẩm định TKCS (xăng dầu, điện)					57						
-	Phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rượu, thuốc lá					10						
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					102						
1	Chi Quản lý hành chính					102						
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					102						
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN					37						
1	Lệ phí											
2	Phí					36,7						
-	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực					0,2						
-	Phí hoạt động Thương mại					26						

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ					0,8						
-	Phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, xác nhận KT					3						
-	Phí thẩm định TKCS (xăng dầu, điện)					5,7						
-	Phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rượu, thuốc lá					1						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025	24.922	23.533		1.389	14.103	13.442		661	10.819	10.091	728
I	Chi Quản lý hành chính	9.795	9.567		228	9.795	9.567		228			
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.179	8.067		112	8.179	8.067		112			
-	Quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	6.586	6.586			6.586	6.586					
-	Chi thường xuyên theo định mức	1.153	1.043		110	1.153	1.043		110			

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ	420	420			420	420					
-	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	20	18		2	20	18		2			
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.616	1.500		116	1.616	1.500		116			
-	Quỹ tiền thương	392	392			392	392					
-	Trang phục thanh tra	38	38			38	38					
-	Rà soát đánh giá hệ thống thông tin theo quy định (Tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1,2) theo Kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai năm 2025	52	47		5	52	47		5			

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Xây dựng lịch sử ngành Công Thương	703	633		70	703	633		70			
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu	406	365		41	406	365		41			
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 (Nội dung 01 - NDTP số 11. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng - NSTW)	25	25			25	25					
II	Chi Sự nghiệp Kinh tế	15.127	13.966		1.161	4.308	3.875		433	10.819	10.091	728
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.436	2.388		48					2.436	2.388	48
-	Lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp	1.956	1.956							1.956	1.956	

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Chi thường xuyên khác	480	432		48					480	432	48
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.691	11.578		1.113	4.308	3.875		433	8.383	7.703	680
-	Quỹ tiền thưởng	140	140							140	140	
-	Kinh phí đảm bảo công tác phạt vi phạm hành chính	30	27		3	30	27		3			
-	Kinh phí Thương mại điện tử	1.512	1.360		152	1.512	1.360		152			
-	Kinh phí đối ứng Thương mại điện tử Quốc gia	383	345		38	383	345		38			
-	Kinh phí tuyên truyền quảng bá ngành Công Thương	99	89		10	99	89		10			
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quyền lợi của người tiêu dùng Việt Nam năm 2025	186	167		19	186	167		19			

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	167	150		17	167	150		17			
-	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.	40	36		4	40	36		4			
-	Kinh phí triển khai Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	190	171		19	40	36		4	150	135	15

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Kinh phí Thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2021-2025	235	211		24	85	76		9	150	135	15
-	Kế hoạch thực hiện chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh năm 2024	85	77		8	85	77		8			
-	Kế hoạch phát triển hạ tầng thương mại biên giới đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	150	135		15	17	15		2	133	120	13
-	Kế hoạch thực hiện đề án "Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động XTTM giai đoạn 2021-2030	200	180		20	200	180		20			
-	Kinh phí kiểm tra các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh	50	45		5	50	45		5			

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Kinh phí phục vụ công tác phòng chống thiên tai và an toàn hồ đập lĩnh vực ngành Công Thương	72	65		7	72	65		7			
-	Kế hoạch Xuất nhập khẩu hàng hóa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	249	224		25	249	224		25			
-	Kế hoạch phát triển dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030.	85	76		9	85	76		9			
-	Tuyên truyền chính sách hoạt động phát triển công nghiệp, khuyến công	40	36		4	40	36		4			

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Kinh phí thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp được tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo Quyết định 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ	200	180		20	200	180		20			
-	Kinh phí phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất độc trong lĩnh vực ngành Công Thương	10	9		1	10	9		1			
-	Phương án thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII (Tính toán phương án đầu nối các dự án nguồn điện đã được phân bổ).	483	435		48	483	435		48			
-	Phương án phát triển trạm sạc xe điện nằm trong Quy hoạch tỉnh	210	189		21	210	189		21			

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Tổ chức Hội nghị cho các Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ nhằm tuyên truyền và vận động các đơn vị bán lẻ, phân phối hạn chế bao bì nhựa chuyển đổi sử dụng bao bì nhựa, ống hút nhựa sang sử dụng các bao bì, sản phẩm thân thiện với môi trường	40	36		4	40	36		4			
-	Kinh phí hoạt động của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tỉnh Gia Lai	25	22		3	25	22		3			
-	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ - NSTW	720	720							720	720	
-	Kinh phí Chương trình Khuyến công tỉnh	2.500	2.250		250					2.500	2.250	250
-	Kinh phí Chương trình Xúc tiến thương mại	2.870	2.583		287					2.870	2.583	287

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
						Văn phòng Sở Công Thương				Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		
						Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ nguồn CCTL để lại tại đơn vị và tiết kiệm 10%	Sử dụng nguồn CCTL để lại tại đơn vị	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	Tổng số	Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 sau khi trừ tiết kiệm 10%	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2-3-4</i>	<i>2=6+10</i>	<i>3=7</i>	<i>4=8+11</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
-	Tổ chức 01 Hội chợ TM giới thiệu sản phẩm trên địa bàn TP Pleiku - Kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng tỉnh Gia Lai	1.000	900		100					1.000	900	100
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 (Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP)	720	720							720	720	
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách					1076385				1087731		
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch					2911				2911		